

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H.CHÂU THÀNH-TIỀN GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 656/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Minh**
Ông **Nguyễn Hoàng Thái**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Thị phượng Tuyên**-Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2022 về tranh chấp: “ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Võ Thị D**, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BA, xã ĐH, huyện CT, Tiền Giang

* Bị đơn: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BA, xã ĐH, huyện CT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị D trình bày: chị và anh T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Võ Thành L, sinh năm 2018.

Thời gian đầu thì sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, do anh T đánh chị D, chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay.

Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị D đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh T thống nhất với phần trình bày của chị D về quá trình hôn nhân và con chung. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp.

Nay chị D xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, giao con cho anh T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh T, chị D có đơn xin vắng mặt, đơn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: chị D yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, chị D và anh T kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, do đó theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị D trình bày, trong quá trình chung sống thì chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Anh T thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn như chị D trình bày. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị D và anh T thống nhất giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: cho chị Võ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2/ Về con chung: giao cháu Nguyễn Võ Thành L, sinh ngày 03/2/2018, cho anh T nuôi dưỡng.

Chị D có quyền tới lui chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020419 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành xem như đã nộp xong.

Chị D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND h.Châu Thành;
- THADS h.Châu Thành;
- UBND xã Diêm Hy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Võ Ngọc Hiếu